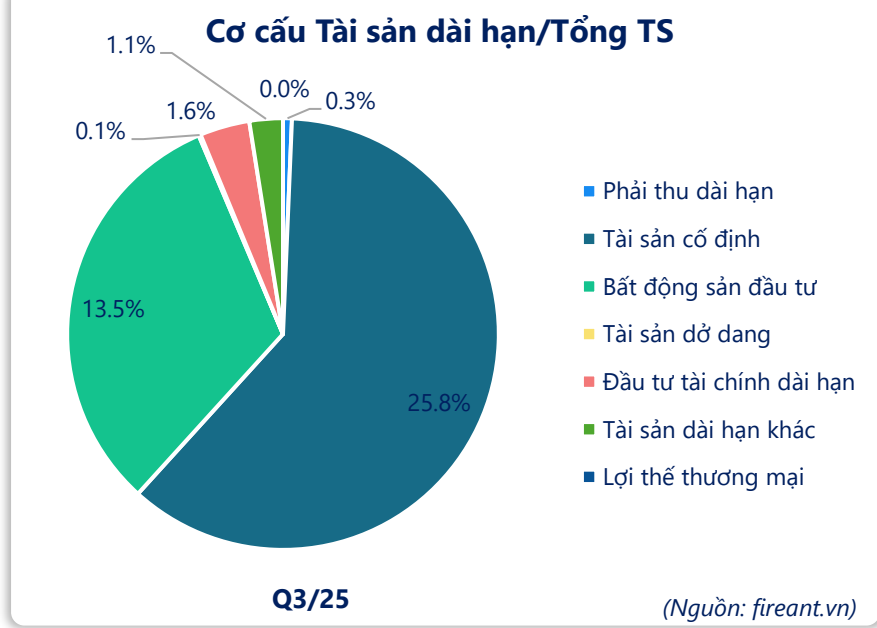
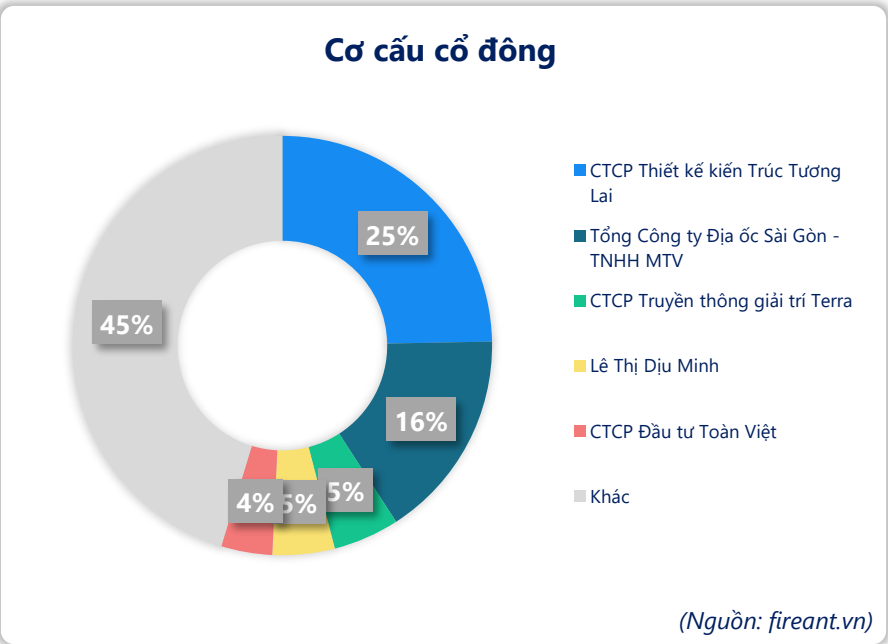
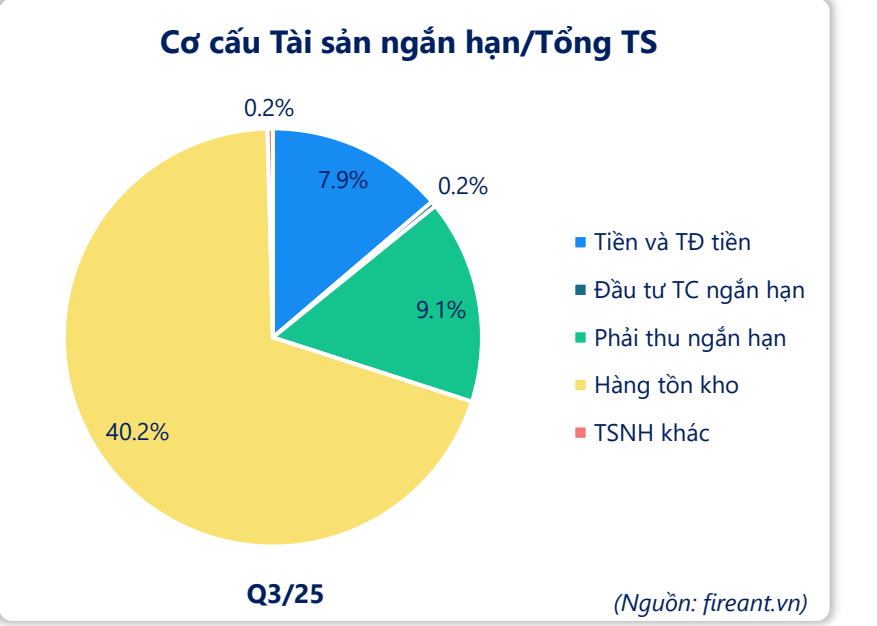
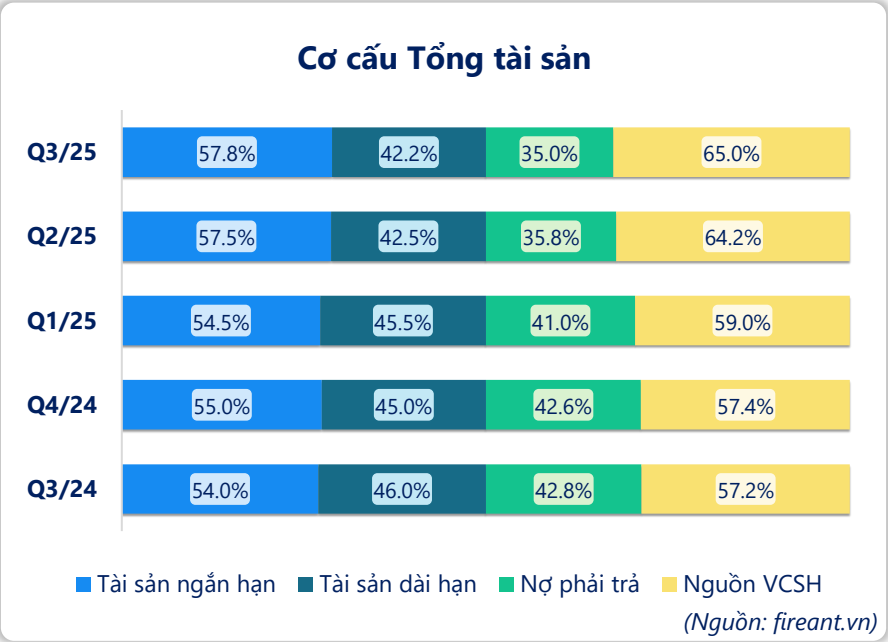
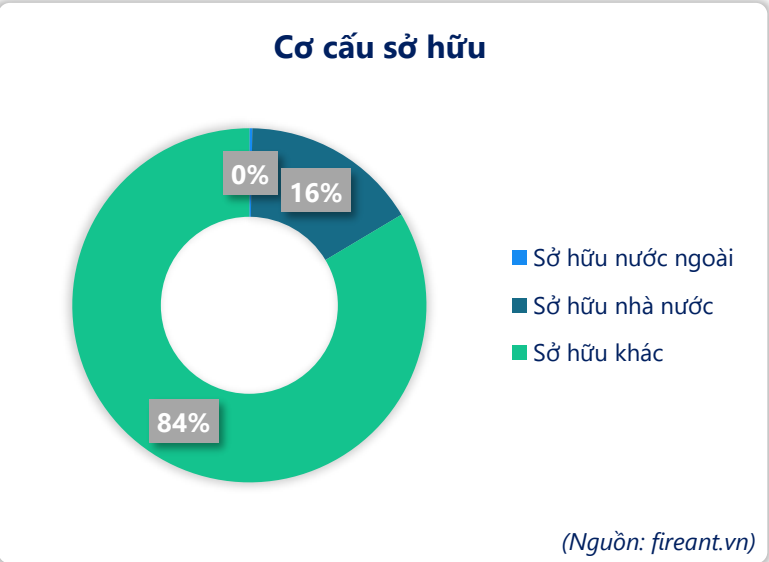
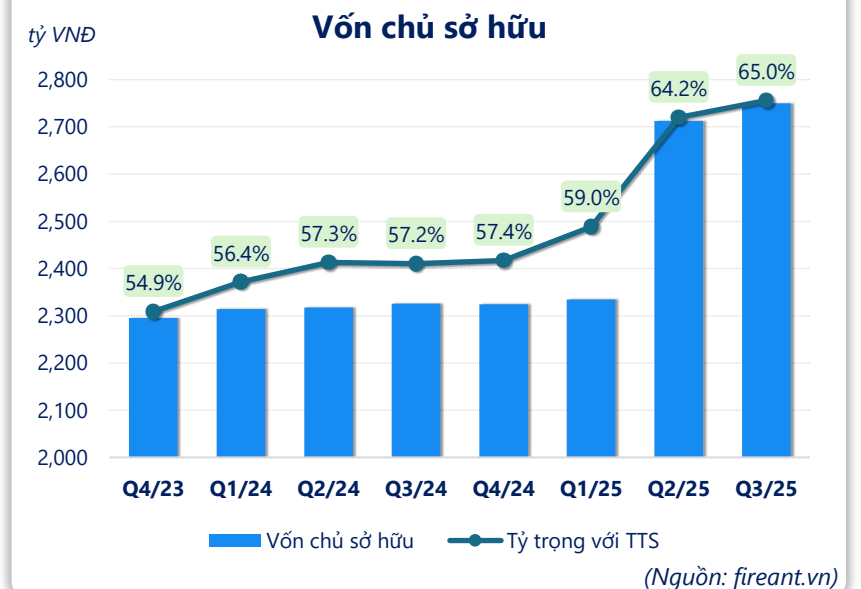
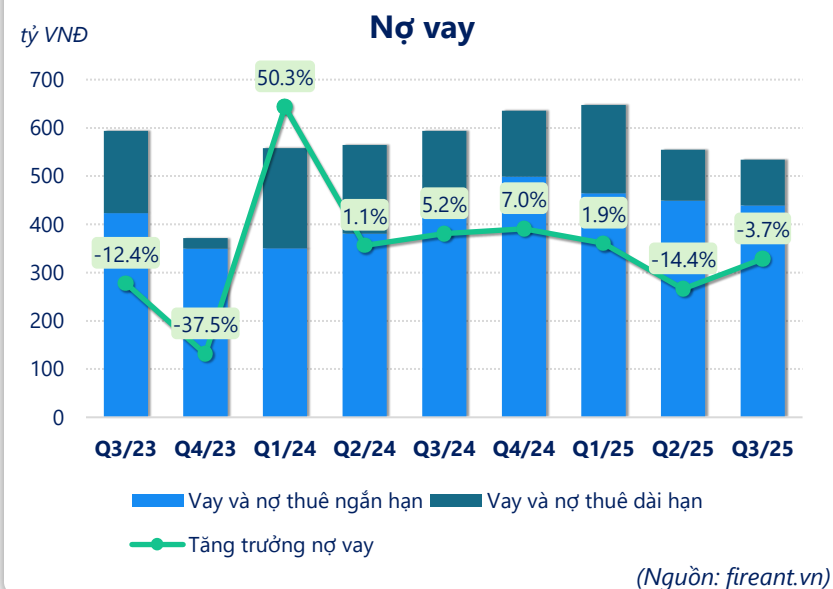
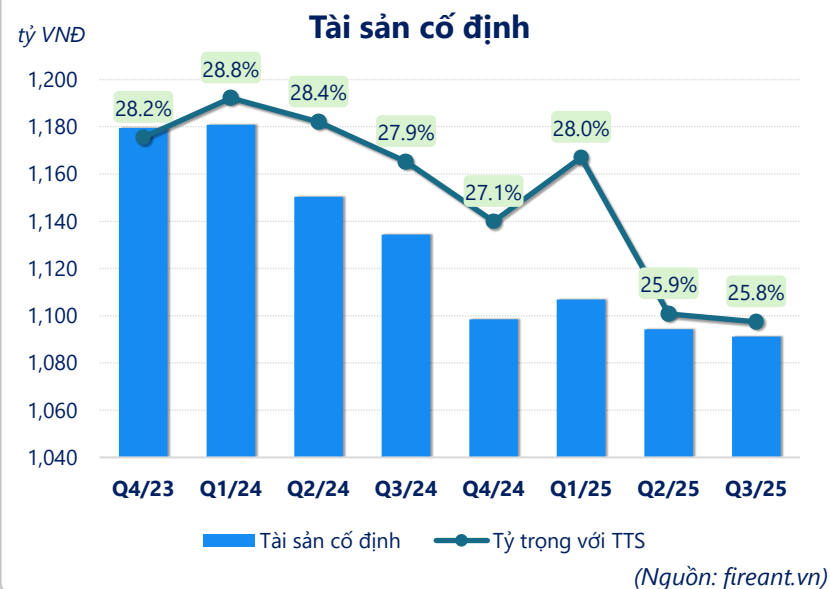
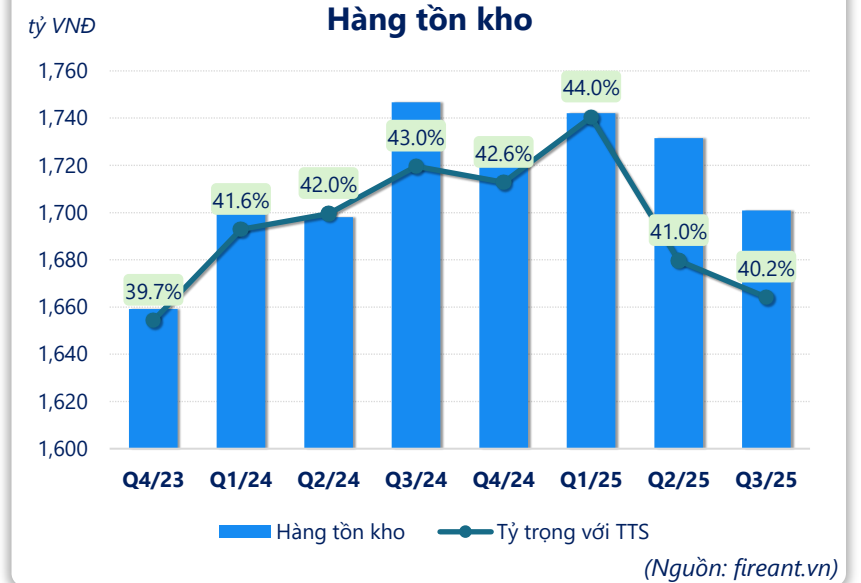
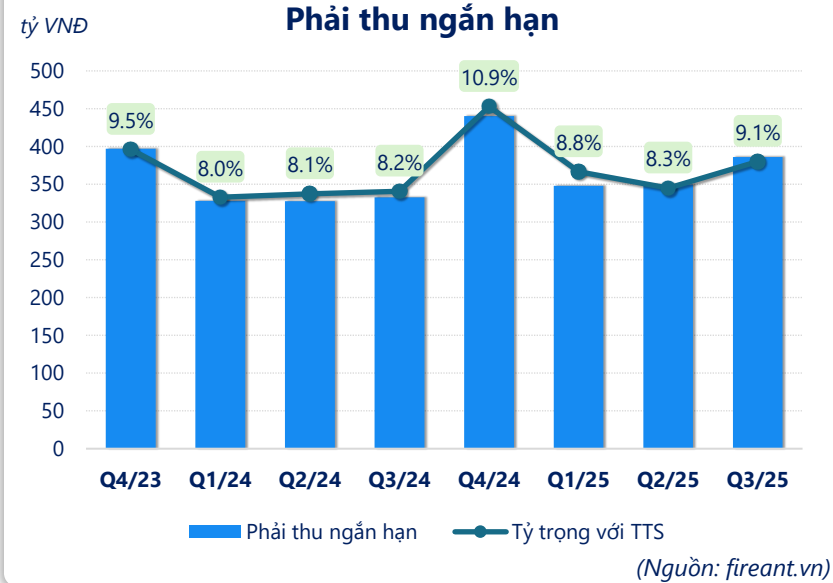
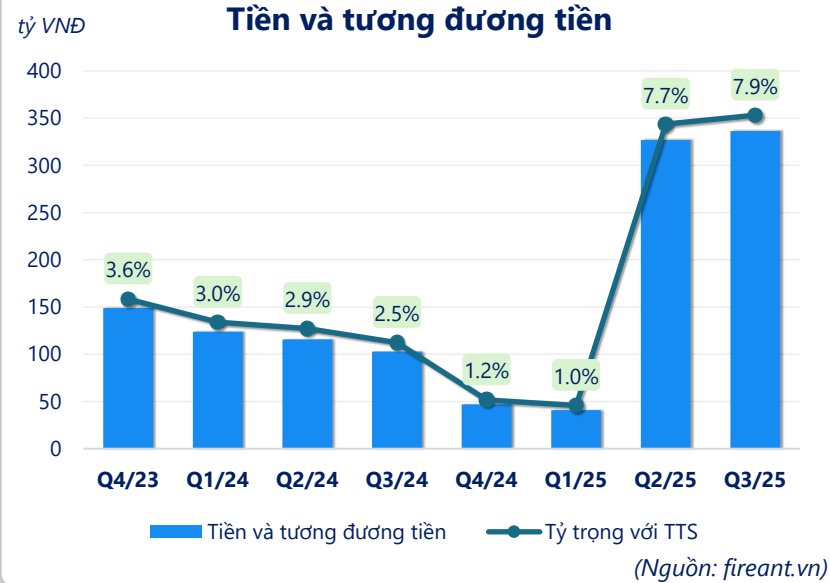
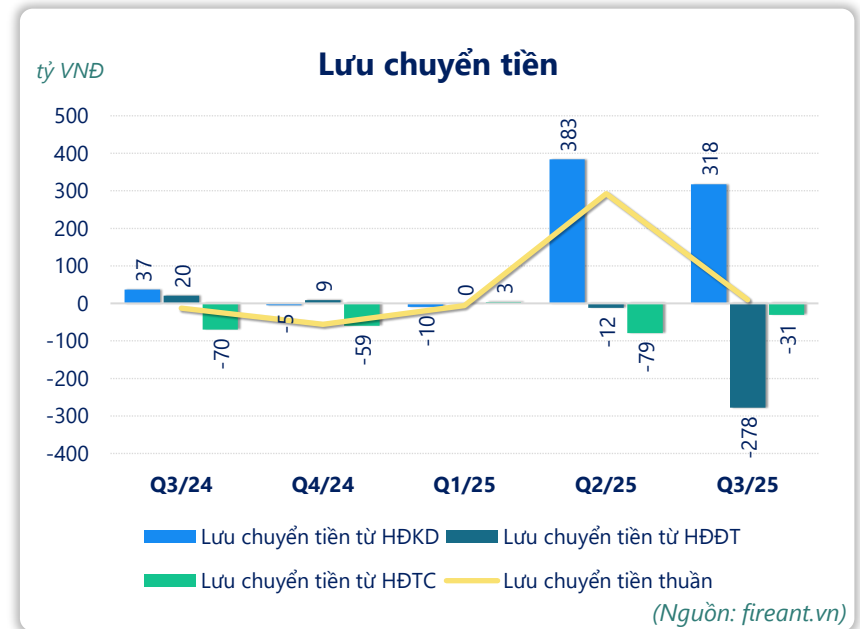
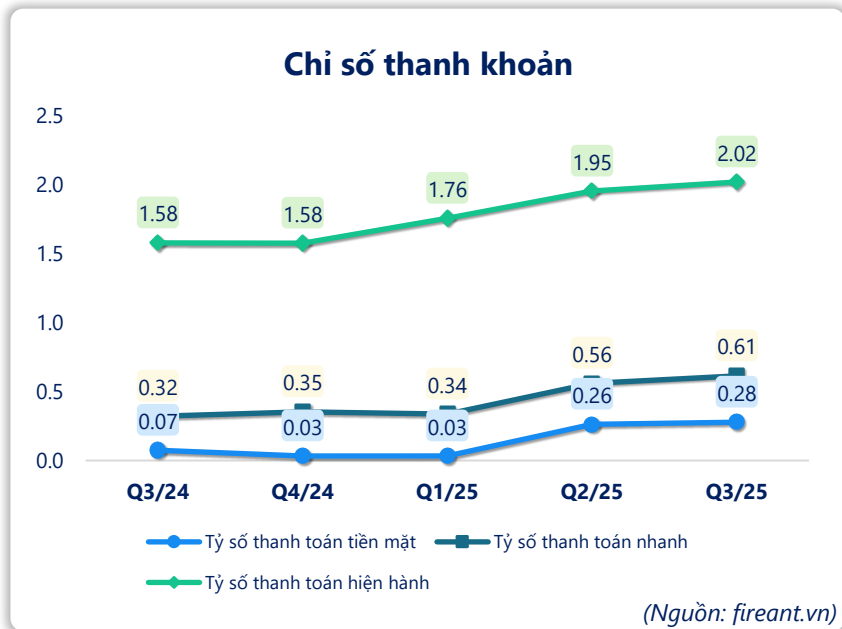
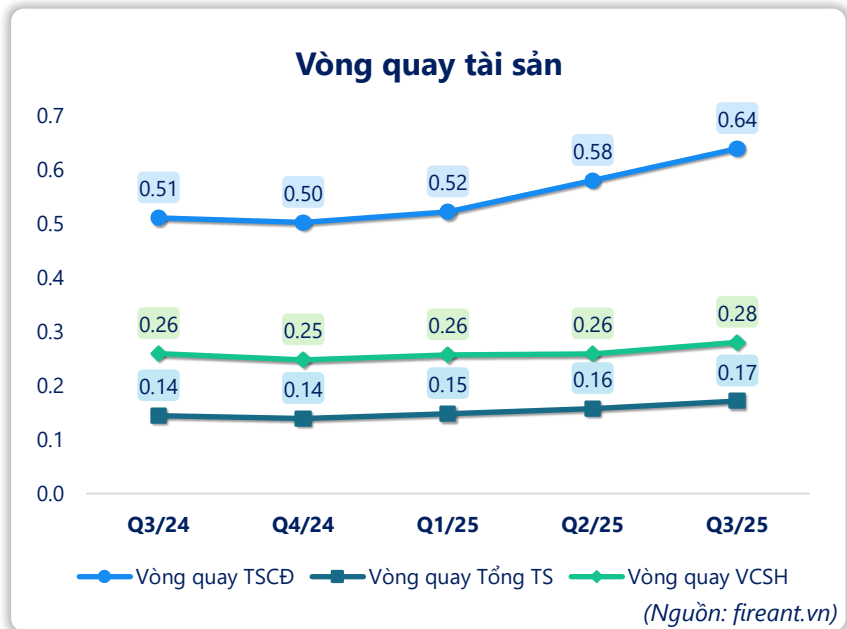
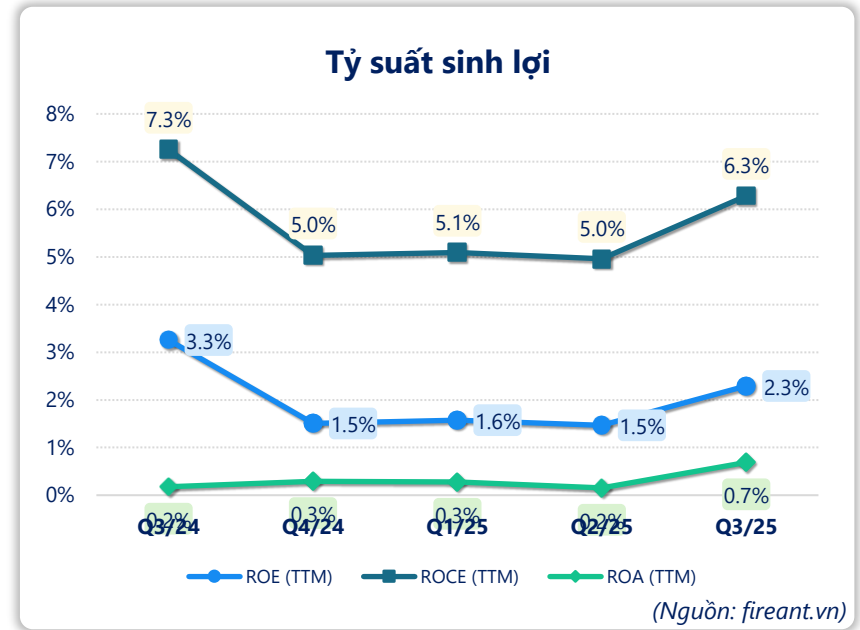
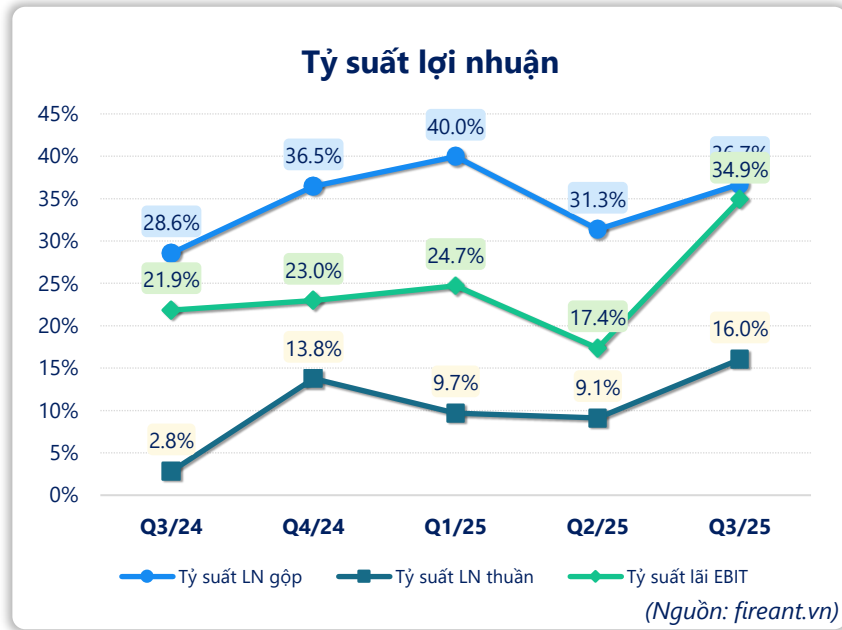
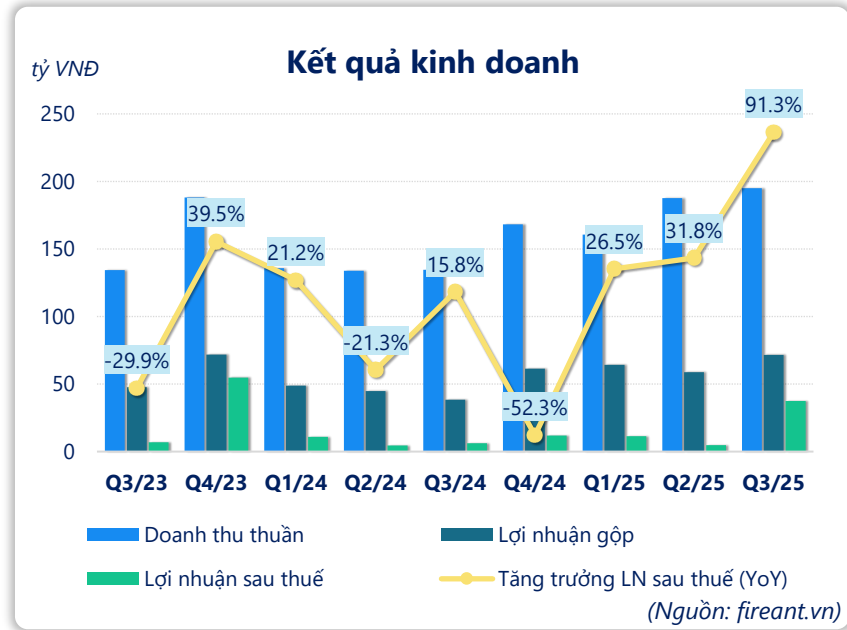


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,910
SL cổ phiếu LH		95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)		237,690
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,434
P/E		24.7
EPS		606

	YTD	1T	3T	6T
ITC	35.9%	-7.7%	1.7%	28.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,230	3,988	6.1%
Tài sản ngắn hạn	2,443	2,165	12.9%
Tiền và tương đương tiền	336	40.5	729%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.2	6.40	59.4%
Phải thu ngắn hạn	386	374	3.3%
Hàng tồn kho	1,701	1,732	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	11.9	-14.7%
Tài sản dài hạn	1,787	1,823	-2.0%
Phải thu dài hạn	11.9	19.9	-40.3%
Tài sản cố định	1,091	1,108	-1.5%
Bất động sản đầu tư	570	587	-3.0%
Tài sản dở dang	2.68	2.16	24.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.7	61.2	8.9%
Tài sản dài hạn khác	44.8	44.9	-0.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,480	1,666	-11.1%
Nợ ngắn hạn	1,210	1,306	-7.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	445	-1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	88.2	121	-27.4%
Nợ dài hạn	270	359	-24.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	94.7	185	-48.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,750	2,323	18.4%
Vốn chủ sở hữu	2,750	2,323	18.4%
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	135	168	161	188	195
Giá vốn hàng bán	96.2	107	96.4	129	123
Lợi nhuận gộp	38.5	61.3	64.2	58.8	71.6
Doanh thu HĐTC	0.14	0.06	0.01	0.07	3.77
Chi phí TC	18.7	19.0	24.4	16.7	19.5
Chi phí lãi vay	17.5	17.2	21.4	18.6	19.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	-0.57	0
Chi phí bán hàng	1.82	4.14	5.46	4.55	4.18
Chi phí QLDN	14.3	15.1	18.7	19.9	20.4
LN thuần từ HĐKD	3.80	23.1	15.5	17.1	31.3
Lợi nhuận khác	8.09	-1.77	2.70	-3.11	17.2
LN trước thuế	11.9	21.4	18.2	14.0	48.5
Lợi nhuận sau thuế	6.12	11.8	11.4	4.87	37.4
LNST của CĐ cty mẹ	7.23	12.1	11.2	6.34	28.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.6	-5.00	-9.60	383	318
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.3	8.58	0.01	-12.1	-278
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.0	-59.3	3.41	-79.0	-30.6
Tiền đầu kỳ	116	103	46.9	40.8	327
Lưu chuyển tiền thuần	-13.0	-55.8	-6.18	292	9.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0.10	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	103	47.0	40.8	327	336

(Nguồn: fireant.vn)